

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy hoạch và ban hành Quy định quản lý kèm theo
đề án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đông Giang
giai đoạn đến năm 2020 và năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ
và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến
quy hoạch ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ
quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày
07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị
định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về
quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng
quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đề án quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị và quy
hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;*

*Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 10/01/2014 của UBND tỉnh
phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2020 - 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 của UBND tỉnh
phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm
2020, tầm nhìn đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 4367/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của UBND tỉnh
phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện
Đông Giang, giai đoạn đến năm 2020 và năm 2030;*

*Căn cứ Thông báo số 764-TB/TU ngày 25/5/2020 của Tỉnh ủy Quảng
Nam về kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đề án Quy hoạch xây dựng
vùng huyện Đông Giang, huyện Bắc Trà My giai đoạn đến năm 2020 và năm
2030;*

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 1612/UBND-KT&HT ngày 03/8/2020

của UBND huyện Đông Giang về việc thẩm định, phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đông Giang, giai đoạn đến năm 2020 và năm 2030; Báo cáo số 292/BC-UBND ngày 04/7/2020 của UBND huyện Đông Giang về việc tiếp thu hoàn chỉnh đồ án Quy hoạch vùng huyện Đông Giang, giai đoạn đến năm 2020 và 2030 theo ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Quảng Nam;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Kết quả thẩm định quy hoạch xây dựng số 41/ThĐ-SXD ngày 23/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đông Giang giai đoạn đến năm 2020 và năm 2030; với các nội dung như sau:

1. Phạm vi ranh giới khu vực lập quy hoạch

a) Phạm vi ranh giới: toàn bộ địa giới hành chính huyện Đông Giang.

- Phía Bắc: giáp huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Phía Tây: giáp huyện Tây Giang;
- Phía Nam: giáp huyện Nam Giang và huyện Đại Lộc;
- Phía Đông: giáp huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

b) Tổng diện tích đất tự nhiên: 821,85 km², với 11 đơn vị hành chính (10 xã và 01 thị trấn).

2. Tính chất: là vùng động lực phát triển kinh tế, xã hội của hành lang Bắc Quảng Nam.

3. Động lực và tiềm năng phát triển

- Quốc lộ 14G kết nối huyện Đông Giang với thành phố Đà Nẵng có tác động lan tỏa tạo điều kiện mở rộng thị trường tiêu thụ nông - lâm sản, phát triển du lịch và thu hút đầu tư;

- Các chính sách đầu tư vùng núi và vùng đồng bào tộc người thiểu số: tiếp tục được Trung ương và tỉnh quan tâm đầu tư, nhiều doanh nghiệp bước đầu đã mạnh dạn đến đầu tư ở các lĩnh vực trồng rừng gỗ lớn, dược liệu, du lịch và liên kết với người dân thiết thực hiệu quả sẽ tạo động lực phát triển trong các năm đến;

- Tiềm năng tài nguyên thiên nhiên, đất đai, khí hậu, nguồn nước, rừng là nguồn lực để phát triển mở rộng diện tích trồng rừng gỗ lớn, kinh tế dưới tán rừng, trồng dược liệu, phát triển kinh tế trang trại; khai thác phát triển tiềm năng về du lịch cộng đồng.

4. Các chỉ tiêu phát triển vùng

a) Dân số, lao động:

- Đến năm 2020: dân số đạt khoảng 25.968 người; trong đó, dân số đô thị khoảng 4.949 người, nông thôn khoảng 21.019 người;

- Đến năm 2030: dân số đạt khoảng 30.841 người; trong đó, dân số đô thị khoảng 15.527 người, nông thôn khoảng 15.314 người.

b) Đô thị hóa: tỷ lệ đô thị hóa năm 2020 khoảng 19,1%; năm 2030 khoảng 49,7%.

5. Định hướng phát triển không gian vùng

a) Phân vùng phát triển:

- Phân vùng 1 (Vùng Đông): gồm xã Ba, xã Tư; diện tích tự nhiên 183,63 km²; dân số là 6.407 người; định hướng chủ yếu là phát triển “Thương mại dịch vụ, Công nghiệp”; trung tâm vùng là đô thị Sông Vàng.

- Phân vùng 2 (Vùng Trung): gồm các xã A Ting, Jơ Ngây, Sông Kôn; diện tích tự nhiên 212,93 km²; dân số 7.043 người; định hướng phát triển chủ yếu là “Nông, lâm nghiệp - thương mại dịch vụ”; trung tâm vùng là Sông Voi.

- Phân vùng 3 (Vùng Tây): gồm các xã: Tà Lu, Za Hung, Arooi và thị trấn Prao; diện tích tự nhiên 169,44 km²; dân số 7.929 người; định hướng phát triển chủ yếu là “Thương mại, dịch vụ và phát triển nông nghiệp”; trung tâm vùng là đô thị Prao.

- Phân vùng 4 (Vùng Đông Nam): gồm các xã Mà Cooih và Kà Dăng; diện tích tự nhiên 255,85 km²; dân số 3.805 người; định hướng phát triển chủ yếu là “Thương mại, dịch vụ và phát triển nông nghiệp”; trung tâm vùng là A Sờ.

b) Phân bố và xác định quy mô các không gian phát triển:

- Nông, lâm, thủy sản:

+ Các vùng chuyên canh cây nguyên liệu, cây công nghiệp, cây ăn quả: đến năm 2030, phát triển rừng gỗ lớn; vùng nguyên liệu tập trung; cây ăn quả, phát triển trang trại, gia trại;

+ Cơ sở chăn nuôi tập trung: đến năm 2030, toàn huyện Đông Giang có 10 cơ sở chăn nuôi tập trung; tập trung tại các xã A Ting, Sông Kôn, Jơ Ngây, Arooi, Mà Cooih, xã Ba, xã Tư và thị trấn Prao;

+ Nuôi trồng thủy sản: phát triển 02 khu nuôi trồng thủy sản tại lòng hồ thủy điện A Vương và thủy điện Sông Kôn.

- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:

+ Công nghiệp: hình thành các cụm công nghiệp, ưu tiên phát triển các loại hình công nghiệp sản xuất hàng hóa và chế biến nông lâm sản, dược liệu, vật liệu xây dựng; phân bố tại xã Ba và xã Mà Cooih;

+ Tiểu thủ công nghiệp: phát triển các làng nghề truyền thống như: dệt thổ cẩm, đan lát, mộc gia dụng; thương hiệu nông, lâm sản như: chè xanh, chè Ra Zéh, ớt A Riêu.

- Thương mại - dịch vụ:
 - + Mạng lưới chợ: đến năm 2030 có 05 chợ, gồm: chợ Sông Vàng, chợ Prao, chợ Jơ Ngây, chợ A Sờ, chợ Cà Dăng;
 - + Phát triển các cơ sở dịch vụ, lưu trú với vai trò là đầu mối, trung tâm khu vực tại thị trấn Prao;
 - + Phát triển các điểm thu mua, buôn bán nông lâm sản tại các trung tâm xã (đối với các xã không quy hoạch phát triển chợ).
- Du lịch: đến năm 2030, phát triển 09 điểm du lịch với 2 loại hình chủ đạo gồm:
 - + Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng: Khu du lịch sinh thái Cổng Trời Đông Giang; Khu du lịch lòng hồ thủy điện A Vương; Khu du lịch sinh thái suối khoáng nóng A Păng; Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp Tây Bà Nà; Khu du lịch sinh thái Trường Sơn - Sông Bung;
 - + Du lịch văn hóa cộng đồng: Khu du lịch cộng đồng thôn làng nghề Bhothông 1; Khu du lịch cộng đồng làng nghề Đhorông; Khu du lịch cộng đồng thôn Chờ Nét; phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn 11 xã, thị trấn tại những nơi có điều kiện.

6. Định hướng tổ chức hệ thống đô thị, nông thôn và khu chức năng

a) Đô thị:

- Đô thị Prao (đô thị hiện hữu): đô thị loại V trực thuộc huyện.
 - + Dân số: đến năm 2020 đạt khoảng 7.042 người; đến năm 2030 đạt khoảng 8.527 người;
 - + Đất đai: tổng diện tích đất tự nhiên 30,88 km²; trong đó, đất xây dựng đô thị đến năm 2020 đạt khoảng 250 ha, đến năm 2030 đạt khoảng 380 ha;
 - + Tính chất, chức năng: là trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hóa, có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện Đông Giang;
 - + Định hướng, giải pháp: phát triển theo đồ án quy hoạch chung đô thị được duyệt. Đến 2030, ổn định khung phát triển đô thị; hoàn chỉnh các khu chức năng đô thị.
 - Đô thị Sông Vàng (đô thị hình thành mới, dự kiến đến năm 2030): đô thị loại V trực thuộc huyện.
 - + Dân số: đến năm 2030 đạt khoảng 7.000 người;
 - + Đất đai: tổng diện tích đất tự nhiên 90,27 km² (toàn bộ ranh giới hành chính xã Ba);
 - + Tính chất, chức năng: là trung tâm kinh tế - xã hội của vùng Đông huyện;
 - + Định hướng, giải pháp: tiến hành lập quy hoạch chung xây dựng đô thị; lập hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị; lập hồ sơ đề nghị công nhận

đô thị; đầu tư phát triển đô thị theo đồ án quy hoạch chung và hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị được duyệt.

b) Nông thôn:

- Trung tâm cụm xã:

+ Khu vực trung tâm xã Jơ Ngây (Sông Voi), là trung tâm của Phân vùng 2 gồm các xã A Ting, Jơ Ngây, Sông Kôn;

+ Khu vực A Sờ, là trung tâm của Phân vùng 4 gồm các xã Mả Cooih và Kà Dăng.

- Trung tâm xã: phát triển, hoàn thiện khu trung tâm các xã còn lại theo quy hoạch nông thôn mới được duyệt.

- Các điểm dân cư: phát triển ổn định và mở rộng các khu dân cư hiện có; sắp xếp dân cư phòng chống thiên tai, sạt lở, các điểm dân cư nhỏ lẻ, các điểm dân cư nằm trong các vùng rừng phòng hộ; xây dựng các công trình phòng chống giảm nhẹ thiên tai, hoàn thành việc phát triển nhà ở kiên cố; phân đầu xây dựng các điểm dân cư nông thôn đạt các tiêu chí khu dân cư kiểu mẫu.

c) Khu chức năng, gồm: Khu du lịch sinh thái Cổng Trời Đông Giang, Khu du lịch lòng hồ thủy điện A Vương, Khu du lịch sinh thái suối khoáng nóng A Păng, Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp Tây Bà Nà, Khu du lịch sinh thái Trường Sơn - Sông Bung, Khu du lịch cộng đồng thôn làng nghề Bhothông 1, Khu du lịch cộng đồng làng nghề Đhorông.

7. Định hướng phát triển hạ tầng xã hội

- Giáo dục - đào tạo: tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học đảm bảo nâng cao chất lượng dạy và học. Đến năm 2030, xây dựng 25 trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học.

- Y tế: tiếp tục đầu tư nâng cấp Trung tâm y tế huyện; nâng cấp Trạm y tế xã Ba thành Trung tâm y tế tại đô thị Sông Vàng; Trạm y tế A Sờ thành Phòng khám đa khoa khu vực.

- Văn hóa - thể thao: tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 10/8/2017 của HĐND huyện về việc thông qua đề án Bảo tồn và phát triển văn hóa Cotu huyện Đông Giang đến năm 2020; xây dựng khu trung tâm văn hóa thể thao đa năng tại đô thị Prao, đô thị Sông Vàng; công viên văn hóa Cotu; bảo tàng huyện.

8. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật

a) Chuẩn bị kỹ thuật:

- Cao độ khống chế nền tối thiểu (Hxd) phải cao hơn mực nước tính toán (Htt) tối thiểu 0,3 m đối với đất dân dụng và 0,5 m đối với đất công nghiệp: $H_{xd} = H_{tt} + 0,3 \text{ m (0,5 m)}$.

- Hướng thoát nước: từ Tây sang Đông theo các dòng chảy chính của

các sông: sông Vàng, sông Kôn, sông A Vương và sông Bung. Khu vực đô thị, khu dân cư nông thôn thoát nước theo địa hình từng khu vực, hướng thoát nước chính ra các mương suối, sông tại khu vực.

b) Giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Nâng cấp, hoàn thiện các tuyến đường Hồ Chí Minh; Quốc lộ 14G, đường ĐT 609 đoạn A Diêm - A Sờ;

+ Đường giao thông từ thị trấn Praq, huyện Đông Giang đi trung tâm huyện Tây Giang; đường giao thông từ xã Arooi, huyện Đông Giang đi xã Dang, huyện Tây Giang; đường giao thông từ ĐH17.ĐG huyện Đông Giang đến ĐT609 (tại An Diêm) huyện Đại Lộc; đường giao thông từ xã Ba, huyện Đông Giang đi xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Giao thông đối nội:

+ Tiếp tục kiên cố hóa mặt các tuyến đường ĐH;

+ Đầu tư xây dựng mới 9 tuyến đường ĐH, 8 tuyến đường GTNT;

+ Đầu tư xây dựng 03 tuyến đường ô tô lâm nghiệp với chiều dài 7,755 km trên địa bàn 03 xã: Tà Lu, Arooi, Mà Cooih;

+ Đầu tư xây dựng mới 12 tuyến đường vào các khu sản xuất nguyên, được liệu với chiều dài 36,30 km trên địa bàn 10 xã.

- Giao thông đường thủy: phát triển phương tiện ghe, thuyền trên lòng hồ thủy điện A Vương, Sông Kôn phục vụ du lịch sinh thái trên mặt hồ và đi lại sản xuất cho nhân dân.

- Bến xe: đầu tư phát triển bến xe Sông Vàng, cải tạo bến xe huyện Đông Giang, xây dựng các điểm đỗ xe phục vụ các khu du lịch.

(Danh mục các công trình hạ tầng giao thông theo Phụ lục 14 – Danh mục các công trình ưu tiên đầu tư trong Thuyết minh quy hoạch được thẩm định.)

c) Cấp nước sinh hoạt:

- Đô thị: đến năm 2030, đầu tư nâng cấp công trình Nhà máy nước Praq đạt công suất 2.000 m³/ng.đ cấp nước cho đô thị Praq; đầu tư xây dựng Nhà máy nước Sông Vàng công suất 1.500 m³/ng.đ, cấp nước cho đô thị Sông Vàng;

- Nông thôn: xây dựng các công trình nước sinh hoạt với quy mô liên thôn, liên xã phục vụ các khu trung tâm xã, thường xuyên tổ chức sửa chữa, nâng cấp các công trình nước sinh hoạt đã đầu tư xây dựng nhằm phục vụ nước sinh hoạt cho nhân dân;

- Công nghiệp: đầu tư xây dựng các công trình cấp nước cho các cụm công nghiệp.

d) Cấp nước sản xuất: đầu tư xây dựng hoàn thiện hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất, tập trung chủ yếu nâng cấp các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện.

e) Cấp điện:

- Tiếp tục sử dụng trạm 35/22kV-T74, công suất 2,5 MVA; trạm 35/22kV-T75, công suất 5 MVA hiện có; xây dựng mới 01 trạm 110/22kV Za Hung, công suất 2x25 MVA;

- Đầu tư hoàn thiện lưới điện nhằm chuyển sang vận hành ở cấp điện áp 22kV, xóa bỏ lưới 35kV.

g) Thoát nước thải:

- Nước thải đô thị: nước thải được thu gom bằng hệ thống cống riêng hoàn toàn sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải xử lý đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường; trong đó, đô thị Praq, đến năm 2030 xây dựng Trạm xử lý nước thải công 3.200 m³/ng.đ, nước thải sau khi xử lý đổ ra sông A Vương;

- Nước thải sinh hoạt khu vực nông thôn: sử dụng bể tự hoại để xử lý nước thải sinh hoạt tại mỗi hộ gia đình trước khi đổ ra môi trường;

- Nước thải công nghiệp: xây dựng hệ thống xử lý nước thải riêng cho từng cụm công nghiệp. Toàn bộ nước thải công nghiệp sẽ được xử lý cục bộ tại mỗi nhà máy đạt quy định sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp để xử lý trước khi thải ra môi trường;

- Nước thải khu du lịch: từng khu du lịch xây dựng hệ thống xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn trước khi thải ra môi trường;

- Nước thải các cơ sở chăn nuôi tập trung: từng khu chăn nuôi xây dựng hệ thống xử lý nước thải đạt quy định trước khi xả ra môi trường.

h) Quy hoạch khu xử lý chất thải rắn: đến năm 2030, đầu tư xây dựng Khu xử lý rác thị trấn Praq tại thôn A Xing, diện tích khoảng 03 ha; Khu xử lý rác Mả Cooih tại xã Mả Cooih, diện tích khoảng 05 ha; Khu xử lý rác Jơ Ngây tại xã Jơ Ngây, diện tích khoảng 05 ha.

i) Quy hoạch xây dựng nghĩa trang:

- Đối với thị trấn Praq: tiếp tục xây dựng nghĩa trang nhân dân tập trung tại thôn A Xing với quy mô diện tích khoảng 05 ha;

- Đối với xã Ba: tiếp tục quy hoạch khu nghĩa trang nhân dân tập trung với quy mô khoảng 06 ha;

- Đối với các xã còn lại, đầu tư chỉnh trang các nghĩa trang hiện hữu theo định hướng mỗi thôn sau khi sáp nhập có một nghĩa trang nhân dân.

k) Thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông: xây dựng và phát triển hệ thống hạ tầng viễn thông có công nghệ hiện đại; có độ bao phủ rộng khắp trên địa bàn huyện. Thực hiện từng bước việc ngầm hoá hạ tầng mạng cáp viễn thông trong khu vực đô thị.

9. Các vấn đề liên quan biện pháp bảo vệ môi trường

- Nghiên cứu chỉnh trang, xây dựng hệ thống thủy lợi kết hợp tiêu thoát nước đô thị phù hợp theo từng giai đoạn phát triển;
- Phát triển đô thị phải đồng bộ với giải pháp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật;
- Định kỳ đánh giá và đề xuất các giải pháp hạn chế các tác động về môi trường đô thị trong quá trình phát triển.

10. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

a) Danh mục dự án ưu tiên đầu tư để phát triển vùng:

- Quy hoạch: điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030; các hồ sơ phục vụ phát triển đô thị Sông Vàng. Tổ chức rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch chi tiết; trong đó, rà soát điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới 10 xã; quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn.
- Giao thông: tập trung nguồn vốn đầu tư các danh mục công trình nêu tại điểm b khoản 8 Điều này.
 - Cấp nước sinh hoạt:
 - + Nâng cấp Nhà máy nước Prao đạt công suất 2.000 m³/ng.đ;
 - + Xây dựng phát triển các nhà máy nước phục vụ nhu cầu phát triển đô thị.
 - Thủy lợi: nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi đảm bảo phục vụ sản xuất của nhân dân.
 - Cấp điện: xây dựng 01 trạm 110/22kV Za Hung, công suất 2x25 MVA.
 - Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: đầu tư các cụm công nghiệp; Nhà máy thủy điện A Vương 5.
 - Thương mại - dịch vụ, du lịch:
 - + Kêu gọi, thu hút đầu tư các khu du lịch; công trình thương mại dịch vụ;
 - + Nâng cấp chợ A Sờ đạt tiêu chuẩn chợ hạng 3; mở rộng, nâng cấp chợ Sông Vàng, chợ Prao đạt tiêu chuẩn chợ hạng 2. Hoàn thành chợ Jơ Ngây, xây dựng các siêu thị tại nơi có điều kiện, điểm thu mua nông - lâm sản tại các xã;
 - + Xây dựng bến xe tại đô thị Sông Vàng.
 - Nông nghiệp:
 - + Thực hiện các dự án theo Nghị quyết 01/2016/NQ-HĐND ngày 03/8/2016 của HĐND huyện về nâng cao năng suất, chất lượng trồng trên địa bàn huyện giai đoạn đến 2025, Nghị quyết 108/2010/NQ-HĐND ngày 30/12/2010 của HĐND huyện thông qua Quy hoạch ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện đến năm 2020;

+ Đề án trồng mây nguyên liệu dưới tán rừng trên địa bàn huyện theo Nghị quyết số 29/2012/NQ-HĐND ngày 13/8/2012 của HĐND huyện;

+ Dự án phát triển cây dược liệu trên địa bàn huyện Đông Giang, dự án phát triển khu sản xuất tập trung, chăn nuôi tập trung trên địa bàn huyện.

- Văn hóa, y tế:

+ Đầu tư xây dựng Làng Truyền thống Cơ Tu (xã Tà Lu); Công viên văn hóa Cơ Tu (thị trấn Praq);

+ Hoàn thiện Khu thể thao liên hợp huyện;

+ Đầu tư xây dựng nghĩa trang nhân dân tại thị trấn Praq và xã Ba;

+ Nâng cấp Trạm y tế xã Ba thành Trung tâm Y tế trong đô thị Sông Vàng, Trạm y tế A Sờ thành Phòng khám đa khoa khu vực. Nâng cấp các trạm y tế đạt chuẩn quốc gia.

- Giáo dục - đào tạo: đầu tư các nguồn lực để hoàn thành Đề án số 09/ĐA-UBND ngày 05/10/2018 của UBND huyện về sắp xếp lại trường, điểm trường lớp học gắn với việc bố trí đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn huyện Đông Giang giai đoạn 2018 -2030; xây dựng các trường học.

b) Nguồn lực:

- Nguồn đầu tư phát triển hạ tầng cấp khu vực của tỉnh, Trung ương;

- Nguồn ngân sách thiết chế đô thị, nguồn từ khai thác quỹ đất và nguồn đầu tư từ khu vực ngoài ngân sách.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Đông Giang chịu trách nhiệm:

- Công bố công khai quy hoạch được duyệt; quản lý giám sát việc thực hiện quy hoạch xây dựng theo quy định;

- Xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện quy hoạch xây dựng phát triển đô thị, nông thôn, khu chức năng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt (quy định tại Điều 48, Luật Xây dựng, Điều 28 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và các quy định điều chỉnh bổ sung). Trong đó lưu ý, xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết định kỳ theo quy định; đồng thời, lập kế hoạch và hướng dẫn UBND các xã thực hiện việc rà soát, điều chỉnh các hồ sơ quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới phù hợp theo định hướng quy hoạch xây dựng vùng huyện đã duyệt;

- Phối hợp với các Sở, ngành liên quan đề xuất giải pháp quản lý triển khai thực hiện quy hoạch; lập kế hoạch đầu tư xây dựng, huy động nguồn vốn đầu tư để thực hiện các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp huyện.

2. Sở Xây dựng phối hợp, theo dõi, hướng dẫn UBND huyện Đông

Giang quản lý Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đông Giang được duyệt theo quy định.

3. Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Sở, ngành, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp, theo dõi, hướng dẫn UBND huyện Đông Giang trong quá trình quản lý phát triển theo đúng quy hoạch được duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Đông Giang và thủ trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công ty Điện lực Quảng Nam;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTTH, KTN.

F:\Tien Dong\Quyết định\2020\PD QHV huyện Dong Giang.doc

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Trí Thanh